

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B2OLV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH02231**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Tin học**

Số TC: **2**

STT	MSHS	Họ tên	Ngày sinh	Hệ số 1	Hệ số 2	Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011228	Phạm Văn Tòng	02/05/1988	9.5	9.5	10.0		9.8
2	2253801011229	Ngô Thị Cẩm Tú	01/01/1984	8	9.0	9.5		9.2
3	2253801011231	Đinh Tấn Thanh	23/03/1998	9.5	9.5	9.5		9.5
4	2253801011232	Nguyễn Ngọc Thành	19/02/1980	8	9.0	9.5		9.2
5	2253801011233	Châu Thị Mộng Thúy	17/05/1992	8	9.0	9.5		9.2
6	2253801011234	Phan Thị Thừa	10/07/1982	9.5	9.5	9.8		9.7
7	2253801011551	Nguyễn Thị Mỹ Phượng	04/05/1979	9	9.0	9.5		9.3
8	2253801013393	Nguyễn Thị Mỹ Chi	05/07/1996	7	9.0	9.0		8.7
9	2253801013394	Nguyễn Văn Chiến	19/05/1993	8	9.0	8.5		8.6
10	2253801013395	Đoàn Thị Bé Chính	02/09/1983	8	9.0	9.0		8.9
11	2253801013397	Trịnh Thanh Hóa	31/01/1992	8	9.0	8.0		8.3
12	2253801013398	Lê Thị Huống	26/07/1984	8	9.0	9.5		9.2
13	2253801013399	Nguyễn Thị Diệu Hương	17/10/1990	8	9.0	9.5		9.2
14	2253801013400	Lê Hoàng Linh	19/12/1992	8	9.0	9.0		8.9
15	2253801013401	Lê Chí Thanh	29/07/1996	8	9.0	9.0		8.9
16	2253801013402	Nguyễn Nhật Thanh	20/08/1991	8	9.0	6.0		7.1

Châu Đốc, ngày 13 tháng 9 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Ngô Văn Sang